

Số: 08/CV-ĐHM

Nghệ An, ngày 14 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước

1. Tên công ty : Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai

- Mã chứng khoán: HMR

- Trụ sở chính: Khối Tân Thành, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

- Điện thoại: 0238 664 260

Fax: 0238 664 136

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 .

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn <https://rcchoangmai.vn/> mục Quan hệ nhà đầu tư.

Chúng tôi cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân Trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT b/c;
- Lưu TC-KT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI



Nguyễn Duy Ánh

*** Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 .

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2026 ĐẾN NGÀY 30/06/2026



Tháng 08 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai (sau đây được gọi là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Vũ Thị Hải Yến	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Duy Ánh	Thành viên	
Ông Nguyễn Hải Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/4/2026
Ông Triệu Tuyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/4/2026

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Duy Ánh	Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Cường	Phó Giám đốc
Ông Trần Huy Thắng	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Hiệu	Trưởng Ban	
Ông Thái Đình Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/4/2026
Bà Nguyễn Thị Bình	Thành viên	
Ông Hồ Chí Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/4/2026

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Trọng Thành

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Duy Ánh - Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Duy Ánh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Số: 870/2026/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 kèm theo của Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai (sau đây được gọi là “Công ty”) bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 12/08/2026, từ trang 06 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 phần thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Mỏ đá Hoàng Mai B của Công ty được cấp phép khai thác theo Giấy phép khai thác số 1091QĐ/QLNT ngày 23 tháng 10 năm 1995 cấp bởi Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương), mỏ có thời hạn khai thác 30 năm đã hết hạn ngày 23 tháng 10 năm 2025. Hiện nay, Công ty đang thực hiện thủ tục liên quan đến xin cấp gia hạn khai thác và đang chờ ý kiến phản hồi của các cấp có thẩm quyền.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến Kết luận của chúng tôi.



Hà Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		81.340.814.662	81.522.869.205
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	49.085.801	270.184.612
Tiền	111		49.085.801	270.184.612
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.568.801.314	63.336.707.991
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	20.614.658.252	28.783.523.432
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	40.536.137.509	35.237.245.436
Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	245.871.218	143.804.788
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.5	(827.865.665)	(827.865.665)
IV. Hàng tồn kho	140		20.648.124.096	17.911.724.102
Hàng tồn kho	141	V.6	20.648.124.096	17.911.724.102
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		74.803.451	4.252.500
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		14.227.500	4.252.500
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.9	60.575.951	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.577.729.121	9.094.714.037
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.619.712.770	2.619.712.770
Phải thu dài hạn khác	215	V.4	2.619.712.770	2.619.712.770
II. Tài sản cố định	220		5.158.016.351	5.675.001.267
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	5.158.016.351	5.675.001.267
- Nguyên giá	222		31.782.157.073	31.782.157.073
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.624.140.722)	(26.107.155.806)
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.7	800.000.000	800.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		800.000.000	800.000.000
TỔNG TÀI SẢN	280		89.918.543.783	90.617.583.242

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.097.588.621	10.136.751.790
I. Nợ ngắn hạn	310		10.131.516.371	8.170.679.540
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.180.034.816	533.226.807
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	142.669.500	142.669.500
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		3.011.578.233	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.9	768.143.209	1.590.851.077
Phải trả người lao động	315		1.904.673.108	3.495.070.017
Phải trả ngắn hạn khác	320	V.12	1.260.806.378	1.957.383.130
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.14	500.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		363.611.127	451.479.009
II. Nợ dài hạn	330		1.966.072.250	1.966.072.250
Phải trả dài hạn khác	338	V.12	80.000.000	80.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	343	V.13	1.886.072.250	1.886.072.250
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.15	77.820.955.162	80.480.831.452
Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.124.440.000	56.124.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.124.440.000	56.124.440.000
Thặng dư vốn	412		9.213.000.000	9.213.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.483.515.162	15.143.391.452
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		11.973.309.101	11.973.309.101
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		510.206.061	3.170.082.351
TỔNG NGUỒN VỐN	440		89.918.543.783	90.617.583.242

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Trọng Thành

Nguyễn Trọng Thành



Nguyễn Duy Ánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	14.927.658.152	18.416.210.628
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.927.658.152	18.416.210.628
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	13.079.764.884	16.413.083.681
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.847.893.268	2.003.126.947
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	2.166.865	755.651
8. Chi phí tài chính	23		-	-
Trong đó: Chi phí đi vay	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	1.252.850.935	1.364.596.122
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		597.209.198	639.286.476
12. Thu nhập khác	31		65.666.664	71.666.664
13. Chi phí khác	32		20.094.628	-
14. Lợi nhuận khác	40		45.572.036	71.666.664
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		642.781.234	710.953.140
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	132.575.173	142.190.628
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		510.206.061	568.762.512
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	91	101
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	91	101

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Trọng Thành

Nguyễn Trọng Thành

Nguyễn Duy Ánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		642.781.234	710.953.140
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		516.984.916	517.650.711
Các khoản dự phòng	03		-	342.921.750
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		-	(755.651)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.159.766.150	1.570.769.950
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.707.330.726	1.244.361.949
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.736.399.994)	3.797.015.991
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.841.820.693)	(4.020.484.590)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(9.975.000)	86.876.715
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.700.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(192.530.488)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(721.098.811)	786.009.527
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	755.651
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	755.651
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		500.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		500.000.000	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(221.098.811)	286.765.178
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	270.184.612	120.159.113
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	49.085.801	406.924.291

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Thành



Nguyễn Trọng Thành



Nguyễn Duy Ánh

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901437166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20 tháng 10 năm 2011 và các lần thay đổi, lần đăng ký thay đổi gần nhất (lần 07) vào ngày 28 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khối Tân Thành, Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 56.124.440.000 VND, tương đương 5.612.444 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đúc sắt, thép;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (thiết kế xây dựng công trình giao thông; giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình cầu và đường sắt, cầu và đường bộ; tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình);
- Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có hoạt động trọng yếu nào của Công ty xảy ra trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ này. . .

6. Số người lao động

Tổng số cán bộ nhân viên Công ty tại ngày 30/06/2026 là 55 người (tại ngày 31/12/2025 là 55 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn 01/01/2025 - 30/06/2025, số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, các số liệu này được trình bày lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC và hoàn toàn có thể so sánh được.

II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Từ ngày 01/01/2026, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp đã hết hiệu lực và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn nợ gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng trình; được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

4. Hàng tồn kho (tiếp)***Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang***

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động xây lắp: được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động sản xuất công nghiệp: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các khoản chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và chi phí chờ phân bổ dài hạn tùy theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian chờ phân bổ của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Trường hợp quyết toán dự án chưa được duyệt, Công ty ghi tăng nguyên giá TSCĐ theo giá tạm tính (giá tạm tính phải căn cứ vào chi phí thực tế đã phát sinh, chi phí ước tính chắc chắn sẽ phải bỏ ra để có được TSCĐ) để trích khấu hao TSCĐ. Sau đó phải điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán trong tương lai, phát sinh từ các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ đã nhận được hoặc các nghĩa vụ tài chính khác tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chi phí phải trả được ghi nhận trên cơ sở các ước tính hợp lý và đáng tin cậy về số tiền phải trả, căn cứ vào các thông tin và điều kiện hiện có tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn trả nợ gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả cổ tức lợi nhuận: Phản ánh các khoản cổ tức, lợi nhuận doanh nghiệp trả cho chủ sở hữu của doanh nghiệp
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ phát sinh, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ điều kiện, khi đó chi phí đi vay được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản tương ứng cho đến khi tài sản sẵn sàng đưa vào sử dụng hoặc khai thác theo dự kiến.

Việc vốn hóa chi phí đi vay được thực hiện trên cơ sở phù hợp với thời gian và mức độ đầu tư thực tế, và chỉ áp dụng trong thời gian phát sinh các hoạt động cần thiết để chuẩn bị tài sản cho mục đích sử dụng dự kiến.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

11. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

12. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (VAT)

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT) đầu vào được công ty hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi tùy theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế Việt Nam hiện hành.

13. Các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
- Tiền mặt	7.232.603	1.172.421
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.853.198	269.012.191
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - CN Phú Diễn	40.690.362	268.339.436
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Bắc Nghệ An	753.812	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - CN Nghệ An	409.024	672.755
Cộng	49.085.801	270.184.612

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	16.139.254.346	-	14.178.881.069	-
- Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải	-	-	2.051.626.124	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	1.028.091.880	-	5.369.341.880	-
- Công ty CP xây dựng Thương mại Long Bình	683.563.267	-	660.623.902	-
- Công ty Cổ phần đường sắt Nghệ Tĩnh	986.664.400	-	3.321.816.744	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Ninh	622.534.665	-	622.534.665	-
- Phải thu khách hàng khác	1.154.549.694	(827.865.665)	2.578.699.048	(827.865.665)
Cộng	20.614.658.252	(827.865.665)	28.783.523.432	(827.865.665)

Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.c.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	39.222.916.886	35.086.838.991
- Công ty Cổ phần thương mại và tư vấn Tân Cơ	616.176.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	697.044.623	150.406.445
Cộng	40.536.137.509	35.237.245.436

Trong đó, trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.c.

4. Phải thu khác

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	245.871.218	-	143.804.788	-
Phải thu về tạm ứng	245.871.218	-	143.804.788	-
Dài hạn	2.619.712.770	-	2.619.712.770	-
Ký cược, ký quỹ	2.619.712.770	-	2.619.712.770	-
Cộng	2.865.583.988	-	2.763.517.558	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá trị gốc nợ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị gốc nợ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
- Phải thu của khách hàng	827.865.665	-	(827.865.665)	827.865.665	-	(827.865.665)
+ Công ty Cổ phần Đường bộ 230	260.388.000	-	(260.388.000)	260.388.000	-	(260.388.000)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Phúc Quảng Bình	69.695.059	-	(69.695.059)	69.695.059	-	(69.695.059)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình & Đầu tư 120	340.915.091	-	(340.915.091)	340.915.091	-	(340.915.091)
+ Công ty Cổ phần Công trình giao thông 124	156.867.515	-	(156.867.515)	156.867.515	-	(156.867.515)
Cộng	827.865.665		(827.865.665)	827.865.665		(827.865.665)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI

Mẫu số B09a - DN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6. Hàng tồn kho

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.207.663.680	-	1.225.340.931	-
Công cụ, dụng cụ	5.625.430	-	8.295.430	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.004.596.031	-	12.212.358.161	-
Thành phẩm	7.430.238.955	-	4.465.729.580	-
Cộng	20.648.124.096	-	17.911.724.102	-

7. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000
- Công ty TNHH Fecon Raito Hoàng Mai (**)	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000
Cộng	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và kế toán chuẩn mực Việt Nam và chế độ doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá.

(**) Công ty TNHH Fecon Raito Hoàng Mai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0402308073 do Sở Tài Chính Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2025.

- Vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai góp vốn 800.000.000 đồng, tương ứng tỷ lệ 40%.
- Địa chỉ hoạt động: Số 61 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Ngành nghề chính: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
Mẫu số B09a - DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2026	9.106.365.180	17.460.117.519	5.175.765.283	39.909.091	31.782.157.073
30/06/2026	9.106.365.180	17.460.117.519	5.175.765.283	39.909.091	31.782.157.073
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2026	(5.872.316.443)	(16.537.017.028)	(3.657.913.244)	(39.909.091)	(26.107.155.806)
Khấu hao trong kỳ	(261.337.460)	(170.992.814)	(84.654.642)	-	(516.984.916)
30/06/2026	(6.133.653.903)	(16.708.009.842)	(3.742.567.886)	(39.909.091)	(26.624.140.722)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2026	3.234.048.737	923.100.491	1.517.852.039	-	5.675.001.267
30/06/2026	2.972.711.277	752.107.677	1.433.197.397	-	5.158.016.351

Chi tiết danh mục các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng tài sản cố định hữu hình trở lên:

STT	Tên Tài sản	Ngày bắt đầu tính khấu hao	Giá trị VND	Khấu hao lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
1	Nhà điều hành sản xuất đá Hoàng Mai	25/05/2015	5.428.378.268	3.745.250.009	1.683.128.259
2	Dây chuyền sản xuất Tà vệt bê tông dự ứng lực hợp chuẩn	01/01/2015	5.200.000.000	5.200.000.000	-

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 21.286.171.219 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 18.962.196.174 đồng).

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn/phải thu Nhà nước

	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước ngắn hạn				
Thuế Giá trị gia tăng	448.588.087	1.205.344.333	1.653.932.420	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	928.038.492	132.575.173	928.038.492	132.575.173
Thuế Tài nguyên	95.250.200	14.238.000	25.183.528	84.304.672
Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	576.741.946	29.450.673	547.291.273
Các loại thuế khác	97.891.542	335.613.757	433.505.299	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	21.082.756	6.184.530	23.295.195	3.972.091
Cộng	1.590.851.077	2.270.697.739	3.093.405.607	768.143.209

	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	48.923.837	48.923.837
Các loại thuế khác	-	-	11.652.114	11.652.114
Cộng	-	-	60.575.951	60.575.951

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Công ty Cổ phần cơ khí cầu đường Hà Ninh	622.074.360	-
- Hồ Sỹ Chi	36.850.000	220.520.000
- Công ty Cổ phần công trình 793	284.343.964	155.885.051
- Công ty Cổ phần Đầu tư TM&DV vận tải Minh Tuấn	119.556.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Thanh Bình	691.677.500	-
- Các đối tượng khác	425.532.992	156.821.756
Cộng	2.180.034.816	533.226.807

Trong đó, trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.b.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng & Thương mại Việt Tuấn	36.344.000	36.344.000
- Công ty TNHH Đức Toàn	16.285.500	16.285.500
- Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng KTS	20.000.000	20.000.000
- Các đối tượng khác	70.040.000	70.040.000
Cộng	142.669.500	142.669.500

12. Phải trả khác

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	1.260.806.378	1.957.383.130
- Kinh phí công đoàn	88.888.647	28.642.388
- Bảo hiểm xã hội	-	124.866.560
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.051.000.000	1.730.000.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	120.917.731	73.874.182
Dài hạn	80.000.000	80.000.000
- Tiền đào tạo của cán bộ công nhân viên	80.000.000	80.000.000
Cộng	1.340.806.378	2.037.383.130

13. Dự phòng phải trả dài hạn

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Chi phí hoàn nguyên môi trường	1.886.072.250	1.886.072.250
Cộng	1.886.072.250	1.886.072.250

14. Vay và nợ thuê tài chính

Nội dung	30/06/2026	Trong kỳ		01/01/2026
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	500.000.000	500.000.000	-	-
- Vay cá nhân (*)	500.000.000	500.000.000	-	-
Cộng	500.000.000	500.000.000	-	-

(*) Khoản vay ngắn hạn bà Nguyễn Thị Khoa số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay số 01/HĐVTCN/2026 ký ngày 28 tháng 05 năm 2026, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 9%/năm nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, đây là khoản vay tín chấp.

15. Vốn chủ sở hữu**15.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2025	56.124.440.000	9.213.000.000	12.274.961.766	77.612.401.766
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	3.170.082.351	3.170.082.351
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024	-	-	(301.652.665)	(301.652.665)
31/12/2025	56.124.440.000	9.213.000.000	15.143.391.452	80.480.831.452
01/01/2026	56.124.440.000	9.213.000.000	15.143.391.452	80.480.831.452
- Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	510.206.061	510.206.061
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025 (*)	-	-	(158.504.118)	(158.504.118)
- Chia cổ tức (*)	-	-	(3.011.578.233)	(3.011.578.233)
30/06/2026	56.124.440.000	9.213.000.000	12.483.515.162	77.820.955.162

(*) Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 ngày 10/04/2026 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 3.170.082.351 đồng, trong đó trích Quỹ phúc lợi 3% với số tiền 95.102.471 đồng, Quỹ khen thưởng 2% với số tiền 63.401.647 đồng và chia cổ tức bằng tiền với số tiền 3.011.578.233 đồng.

15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Danh sách cổ đông	30/06/2026		01/01/2026	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
- Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	30.750.000.000	54,79%	30.750.000.000	54,79%
- Cổ đông khác	25.374.440.000	45,21%	25.374.440.000	45,21%
Cộng	56.124.440.000	100%	56.124.440.000	100%

15. Vốn chủ sở hữu (tiếp)**15.3. Cổ phiếu**

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.612.444	5.612.444
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.612.444	5.612.444
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.612.444	5.612.444
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.612.444	5.612.444
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.612.444	5.612.444
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
- Doanh thu xây lắp	13.783.461.332	14.308.033.428
- Doanh thu bán các sản phẩm khai thác, chế biến đá	12.600.000	2.568.083.000
- Doanh thu bán tà vẹt và các sản phẩm khác	1.131.596.820	1.540.094.200
Cộng	14.927.658.152	18.416.210.628

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.b.

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
- Giá vốn xây lắp	12.213.064.700	13.143.747.726
- Giá vốn bán các sản phẩm khai thác, chế biến đá	4.353.731	1.832.892.256
- Giá vốn bán tà vẹt và các sản phẩm khác	862.346.453	1.436.443.699
Cộng	13.079.764.884	16.413.083.681

Trong đó, giá vốn đối với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.b.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.166.865	755.651
Cộng	2.166.865	755.651

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
- Chi phí nhân công	752.838.201	794.130.524
- Chi phí đồ dùng văn phòng	11.544.500	-
- Chi phí khấu hao tài sản	292.619.523	292.669.544
- Thuế và các khoản lệ phí	-	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.873.632	218.857.803
- Chi phí khác bằng tiền	60.975.079	55.938.251
Cộng	1.252.850.935	1.364.596.122

5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	4.754.044.265	2.967.342.193
- Chi phí nhân công	4.288.939.381	6.023.503.385
- Chi phí công cụ dụng cụ	11.544.500	-
- Khấu hao tài sản cố định	517.600.690	517.650.711
- Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.639.357.767	5.070.067.824
- Chi phí bằng tiền khác	60.975.079	1.070.722.246
Cộng	17.272.461.682	15.652.286.359

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
- Lợi nhuận trước thuế	642.781.234	710.953.140
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	20.094.628	-
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
- Trừ: Lỗ các năm trước mang sang	-	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	20.094.628	-
- Thu nhập chịu thuế	662.875.862	710.953.140
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	132.575.173	142.190.628
- Thuế thu nhập được miễn giảm	-	-
- Thuế thu nhập được miễn giảm 2020	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	132.575.173	142.190.628

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập của doanh nghiệp	510.206.061	568.762.512
- Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	5.612.444	5.612.444
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	91	101

8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Ban Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Công trình 791	Cùng người quản lý chủ chốt
3	Công ty Cổ phần Công trình 792	Cùng người quản lý chủ chốt
4	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	Cùng người quản lý chủ chốt
5	Công ty Cổ phần Công trình 875	Cùng người quản lý chủ chốt

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**a) Thu nhập, phụ cấp của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt**

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
		VND	VND
Bà Vũ Thị Hải Yến	Chủ tịch HĐQT	150.000.000	-
Ông Nguyễn Duy Ánh	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	486.276.200	109.100.000
Ông Nguyễn Nhật Cường	Phó Giám đốc	89.872.230	80.280.000
Ông Trần Huy Thắng	Phó Giám đốc	137.877.731	95.650.000
Ông Nguyễn Trọng Thành	Kế toán trưởng	110.617.246	85.980.000
Ông Nguyễn Văn Hiệu	Trưởng Ban kiểm soát	109.083.138	31.830.000
Ông Thái Đình Cường	Thành viên Ban kiểm soát	52.276.400	33.830.000
Bà Nguyễn Thị Bình	Thành viên Ban kiểm soát	106.108.308	72.820.000
Cộng		1.242.111.253	509.490.000

b) Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	13.302.943.402	7.059.377.570
Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	13.302.943.402	7.059.377.570
Mua hàng hóa dịch vụ	1.234.762.097	700.827.636
Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	283.960.000	345.230.801
Công ty Cổ phần Công trình 791	700.522.596	355.596.835
Công ty Cổ phần Công trình 792	71.410.007	-
Công ty Cổ phần Công trình 878	159.539.734	-
Công ty Cổ phần Công trình 875	19.329.760	-

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)

c) Số dư với các bên liên quan

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	16.414.309.251	14.746.655.278
+ Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	16.139.254.346	14.178.881.069
+ Công ty Cổ phần Công trình 791	-	289.643.249
+ Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	28.923.945	32.000.000
+ Công ty Cổ phần Công trình 792	246.130.960	246.130.960
- Trả trước cho người bán	39.222.916.886	35.086.838.991
+ Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	39.222.916.886	35.086.838.991
- Phải trả người bán	284.343.964	155.885.051
+ Công ty Cổ phần Công trình 793	284.343.964	155.885.051
- Phải trả khác	1.051.000.000	1.730.000.000
+ Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	1.051.000.000	1.730.000.000

3. Thông tin khác

Mỏ đá Hoàng Mai B của Công ty được cấp phép khai thác theo Giấy phép khai thác số 1091QB/QLNT ngày 23 tháng 10 năm 1995 cấp bởi Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương), mỏ có thời hạn khai thác 30 năm, đến ngày 23 tháng 10 năm 2025. Công ty đang khai thác đá trong phạm vi quy định của giấy phép nêu trên tại một phần phía Đông của mỏ đá. Năm 2023, việc khai thác đá tại mỏ có vị trí gần đường Quốc lộ 1A và gần khu công nghiệp ảnh hưởng đến an toàn nên UBND thị xã Hoàng Mai, các Sở ban ngành và UBND tỉnh Nghệ An, Cục kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp đã có nhiều buổi làm việc và đề nghị Công ty dừng mỏ trước thời hạn. Ngày 01 tháng 08 năm 2024, Công ty đã có báo cáo số 28 BC/CTĐHM-NC gửi Bộ Tài nguyên môi trường, UBND tỉnh Nghệ An về việc tạm dừng khai thác, sản xuất đá vôi tại mỏ đá Hoàng Mai B để tiến hành lập hồ sơ đóng cửa mỏ. Ngày 26 tháng 02 năm 2025, Công ty đã ban hành Tờ trình 08TTtr/CTĐHM-NC gửi Cục Khoáng sản Việt Nam để xin hướng dẫn các thủ tục đóng cửa mỏ. Ngày 19/09/2025, Công ty đã gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An văn bản và các hồ sơ liên quan xin cấp phép gia hạn khai thác khoáng sản. Hiện nay, Công ty đang chờ ý kiến phản hồi của Sở Nông nghiệp và Môi trường và tiếp tục hoàn thiện hồ sơ gia hạn theo đúng quy định.

4. Cam kết thuê tài sản

Theo hợp đồng thuê đất số 10/HĐ-TĐ ngày 24 tháng 09 năm 2003 ký giữa Công ty và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An, Công ty được phép sử dụng lô đất có diện tích là 185.415,2 m² tại phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An cho thời hạn thuê đến hết ngày 23 tháng 10 năm 2025 với các mục đích sử dụng như sau:

- Diện tích đất 75.000 m² sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản;
- Diện tích đất 93.012,9 m² sử dụng vào mục đích chế biến khoáng sản và tập kết nguyên vật liệu sau khi khai thác;
- Diện tích đất 17.039,9 m² sử dụng vào mục đích xây dựng văn phòng công ty;
- Diện tích đất 362,4 m² sử dụng vào mục đích làm nghĩa trang, bia tưởng niệm.

Theo hợp đồng, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

6 tháng đầu năm 2026

	Xây lắp	Khai thác, chế biến đá	Sản xuất tà vẹt và các hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ	13.783.461.332	12.600.000	1.131.596.820	14.927.658.152
Giá vốn hàng bán	12.213.064.700	4.353.731	862.346.453	13.079.764.884
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.570.396.632	8.246.269	269.250.367	1.847.893.268
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	-
Tài sản bộ phận	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	89.918.543.783
Tổng tài sản	-	-	-	89.918.543.783
Nợ phải trả của các bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	8.927.506.270
Tổng nợ phải trả	-	-	-	8.927.506.270

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI

Mẫu số B09a - DN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp)

6 tháng đầu năm 2025

	Xây lắp	Khai thác, chế biến đá	Sản xuất tà vẹt và các hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ	14.308.033.428	2.568.083.000	1.540.094.200	18.416.210.628
Giá vốn hàng bán	13.143.747.726	1.832.892.256	1.436.443.699	16.413.083.681
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.164.285.702	735.190.744	103.650.501	2.003.126.947
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	-
Tài sản bộ phận	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	86.142.503.804
Tổng tài sản	-	-	-	86.142.503.804
Nợ phải trả của các bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	7.961.339.526
Tổng nợ phải trả	-	-	-	7.961.339.526

b) Theo khu vực địa lý

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra tại khu vực miền Trung của Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

6. Những khoản nợ tiềm tàng

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025 đã được soát xét, các số liệu này được trình bày lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC.

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Trọng Thành

Nguyễn Trọng Thành

Nguyễn Duy Ánh

Số 09/CV-HMR
V/v: giải trình chênh lệch
LNST BCTC

Nghệ An, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Quy định tại điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC của bộ tài chính " Hướng dẫn công bố thông tin trên TTCK".

- Căn cứ báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 và tình hình thực tế của Công ty cổ phần đá Hoàng Mai.

Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026 so với năm trước như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025 (VNĐ)	Năm 2026 (VNĐ)	Chênh lệch (VNĐ)	% Tăng/Giảm
1	Lợi nhuận sau thuế của công ty	568.762.512	510.206.061	(58.556.451)	-10,3%

Nguyên nhân :

- **Chi phí đầu vào tăng:** Do biến động trượt giá nguyên nhiên vật liệu xây dựng làm chi phí giá vốn tăng cao, dẫn đến biên lợi nhuận từ các công trình xây lắp đạt tỷ lệ thấp hơn so với cùng kỳ.
- **Doanh thu giảm:** Một số công trình đang thi công chưa hoàn thành thủ tục nghiệm thu, thanh toán với chủ đầu tư, dẫn đến doanh thu ghi nhận trong kỳ giảm so với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2025.

Chúng tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng báo cáo đến Quý cơ quan và các nhà Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT b/c
- Lưu TC-KT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI



Nguyễn Duy Ánh